

Đề Tài:

Chính sách xoá đói giảm nghèo đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, thực trạng và giải pháp.

Mục lục

Trang

Lời nói đầu.....	5
Chương I Cơ sở lý luận về chính sách kinh tế xã hội và vấn đề nghèo đói, chính sách xoá đói giảm nghèo đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta trong giai đoạn hiện nay	7
I Cơ sở lý luận về chính sách kinh tế xã hội	7
1 Các khái niệm cơ bản về chính sách kinh tế xã hội.....	7
1.1 Khái niệm về chính sách.....	7
1.2 Khái niệm về chính sách kinh tế xã hội.....	7
2 Đặc trưng cơ bản của chính sách kinh tế xã hội	7
3 Giải pháp và công cụ của chính sách kinh tế xã hội.....	8
3.1 Giải pháp của chính sách kinh tế xã hội.....	8
3.2 Những nhóm công cụ của chính sách kinh tế xã hội.....	8
4 Vai trò của chính sách kinh tế xã hội	9
II Vấn đề nghèo đói	9
1 Các quan điểm tiếp cận vấn đề nghèo đói	9
1.1 Theo cách tiếp cận hẹp	9
1.2 Theo cách tiếp cận rộng.....	10
2 Các quan điểm đánh giá về mức nghèo đói hiện nay.....	11
2.1 Quan điểm của Ngân hàng thế giới(WB)	11
2.2 Quan điểm của tổ chức lao động quốc tế (ILO).....	12
2.3 Quan điểm của tổng cục thống kê Việt Nam.....	12
2.4 Quan điểm của bộ lao động thương binh và xã hội	12
2.5 Các phương pháp đánh giá chính sách của chính phủ về giải quyết vấn đề phúc lợi xã hội	13
2.5.1 Phương pháp đường cong Lorenz	13
2.5.2 Phương pháp chỉ số nghèo khó	14
III Chính sách xoá đói giảm nghèo đối với đồng bào các dân tộc thiểu số nước ta hiện nay.....	14
1 Khái niệm, mục tiêu, đối tượng của chính sách xoá đói giảm nghèo	14
2 Những chủ trương, chính sách cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay	15
2.1 Chương trình phát triển, nông thôn, thủy lợi, giao thông	15
2.1.1 Chương trình về thủy lợi, giao thông	15
2.1.2 Chương trình định canh định cư.....	15
2.1.3 Chương trình tư vấn, dịch vụ, chuyển giao khoa học kỹ thuật.....	15
2.2 Chương trình giải quyết việc làm.....	15
2.3 Chương trình tín dụng	15
2.4 Chương trình giáo dục, y tế với mục tiêu xoá đói giảm nghèo	16
2.4.1 Chương trình giáo dục.....	16
2.4.2 Chương trình y tế.....	16
2.5 Chương trình quốc gia số 06/CP	17

2.6 Chương trình hỗ trợ những dân tộc đặc biệt khó khăn.....	17
2.7 Chương trình bảo vệ môi trường.....	17
Chương II Thực trạng nghèo đói ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số kết quả đạt được từ việc thực hiện xoá đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong những giai đoạn gần đây.....	18
I. Thực trạng và nguyên nhân về tình trạng nghèo đói ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nước ta trong những giai đoạn trước đây	18
1 Thực trạng nghèo đói ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số	18
2 Nguyên nhân cơ bản về tình trạng nghèo đói ở vùng dân tộc thiểu số nước ta	21
2.1 Sự phân cách kéo dài.....	21
2.2 Những rủi ro tai hoạ đột xuất.....	22
2.3 Nguồn lực và năng lực.....	23
2.3.1 Nguồn lực.....	23
2.3.2 Năng lực.....	23
II Những kết quả đạt được trong việc thực hiện xoá đói giảm nghèo ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nước ta trong những giai đoạn gần đây.....	23
1 Chương trình phát triển, nông thôn, thuỷ lợi, giao thông	23
1.1 Chương trình về thuỷ lợi, giao thông	23
1.2 Chương trình định canh định cư	23
1.3 Chương trình tư vấn, dịch vụ, chuyển giao khoa học kỹ thuật.....	24
2 Chương trình giải quyết việc làm.....	24
3 Chương trình tín dụng	25
4 Chương trình giáo dục, y tế với mục tiêu xoá đói giảm nghèo	26
4.1 Chương trình giáo dục.....	26
4.2 Chương trình y tế	27
5 Chương trình quốc gia số 06/CP	27
6 Chương trình hỗ trợ những dân tộc đặc biệt khó khăn	28
7 Chương trình bảo vệ môi trường.....	28
Chương III Những kiến nghị và giải pháp về xoá đói, giảm nghèo đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta.	29
I Những vấn đề cần lưu ý và giải pháp khắc phục trong công cuộc xoá đói giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta	29
1 Vấn đề phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường	29
1.1 Khuyến nông, khuyến lâm.....	29
1.2 Tín dụng	30
1.3 Giao thông vận tải	30
1.4 Giao đất giao rừng.....	31
1.5 Chuyển giao khoa học, kỹ thuật và chuyển dịch cơ cấu sản xuất.....	31
2 Các vấn đề xã hội	32
2.1 Y tế	32
2.2 Giáo dục.....	33
2.3 Về bản sắc văn hoá dân tộc thiểu số.....	33
3 Trợ giúp đối tượng chính sách xã hội	34
3.1 Người có công với nước và gia đình họ	34
3.2 Người tàn tật, già yếu, trẻ mồ côi.....	34
4 Cứu tế viện trợ khẩn cấp.....	35

5 Chống tệ nạn xã hội và xây dựng nếp sống văn hoá.....	35
II Bài học kinh nghiệm trong công tác xoá đói giảm nghèo ở nước ta.....	36
Kết luận	37

Lời nói đầu

Trong lịch sử của xã hội loài người, đặc biệt từ khi có giai cấp đến nay, vấn đề phân biệt giàu nghèo đã xuất hiện và đang tồn tại như một thách thức lớn đối với phát triển bền vững của từng quốc gia, từng khu vực và toàn bộ nền văn minh hiện đại. Đói nghèo và tấn công chống đói nghèo luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia trên thế giới, bởi vì giàu mạnh gắn liền với sự hưng thịnh của một quốc gia. Đói nghèo thường gây ra xung đột chính trị, xung đột giai cấp, dẫn đến bất ổn định về xã hội, bất ổn về chính trị. Mọi dân tộc tuy có thể khác nhau về khuynh hướng chính trị, nhưng đều có một mục tiêu là làm thế nào để quốc gia mình, dân tộc mình giàu có. Trong thực tế ở một số nước cho thấy khi kinh tế càng phát triển nhanh bao nhiêu, năng suất lao động càng cao bao nhiêu thì tình trạng đói nghèo của một bộ phận dân cư lại càng bức xúc và có nguy cơ dẫn đến xung đột.

Trong nền kinh tế thị trường, Quy luật cạnh tranh đã thúc đẩy nhanh hơn quá trình phát triển không đồng đều, làm sâu sắc thêm sự phân hoá giữa các tầng lớp dân cư trong quốc gia. Khoảng cách về mức thu nhập của người nghèo so với

người giàu càng ngày càng có xu hướng rộng ra đang là một vấn đề có tính toàn cầu, nó thể hiện qua tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, về nạn đói, nạn suy dinh dưỡng vẫn đang đeo đẳng gần 1/3 dân số thế giới.

Nhân loại đã bước sang thế kỷ 21 và đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc trên nhiều lĩnh vực như khoa học công nghệ, phát triển kinh tế, nhưng vẫn phải đối mặt với một thực trạng nhức nhối nạn đói nghèo vẫn còn chiếm một tỉ lệ đáng kể ở nhiều nước mà nổi bật là ở những quốc gia đang phát triển. ở Việt Nam từ khi có đường lối đổi mới, chuyển đổi nền kinh tế vận hành theo cơ thị trường có sự điều tiết của nhà nước, tuy nền kinh tế có phát triển mạnh, tốc độ tăng trưởng hàng năm là khá cao, nhưng đồng thời cũng phải đương đầu với vấn đề phân hoá giàu nghèo, hố ngăn cách giữa bộ phận dân cư giàu và nghèo đang có chiều hướng mở rộng nhất là giữa các vùng có điều kiện thuận lợi so với những vùng khó khăn, trình độ dân trí thấp như vùng sâu vùng xa. Chính vì vậy mà Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương hỗ trợ đối với những vùng gặp khó khăn, những hộ gặp rủi ro vươn lên xoá đói giảm nghèo nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của đảng đã nhấn mạnh coi vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Do đó vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa là đối tượng chính của nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo, bởi vì họ còn ở trình độ dân trí thấp, tập quán sản xuất lạc hậu, thiếu thông tin nghiêm trọng về sản xuất hàng hoá trong nền kinh tế thị trường. Việc xoá đói giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc thiểu số được thực hiện tốt là một trong những yếu tố cơ bản để thực hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc ở nước ta cùng tiến lên đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Từ các chương trình chính sách xoá đói giảm nghèo được triển khai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các ngành Trung ương và địa phương cùng với sự nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số thực sự đã góp phần quan trọng, tạo được chuyển biến đáng kể về phát triển kinh tế xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng và giải quyết những vấn đề bức xúc ở vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên những thành tựu này mới chỉ là bước đầu những tồn tại và khó khăn còn nhiều, để khắc phục nó cần có sự nỗ lực của toàn đảng toàn dân và đặc biệt là từ phía bản thân đồng bào các dân tộc thiểu số, cùng với cả nước xoá đói giảm nghèo, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

Nghiên cứu chính sách xoá đói giảm nghèo và tác động của chính sách xoá đói giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về thực trạng nghèo đói ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thấy được những kết quả đã đạt được và những yếu kém cần được khắc phục trong quá trình thực hiện chính sách xoá đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước ta, để từ đó có kiến nghị và đề xuất giải pháp tốt hơn, có hiệu quả hơn trong công tác xoá đói giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta.

Đề án gồm ba phần chính:

Chương I *Cơ sở lý luận về chính sách kinh tế xã hội và vấn đề nghèo đói, chính sách xoá đói giảm nghèo đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.*

Chương II Thực trạng nghèo đói ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và kết quả đạt được từ việc thực hiện xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong những giai đoạn gần đây.

Chương III Những kiến nghị và giải pháp về xóa đói, giảm nghèo đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta.

Chương I

Cơ sở lý luận về chính sách kinh tế xã hội và vấn đề nghèo đói, chính sách xóa đói giảm nghèo đối với vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta.

I Cơ sở lý luận về chính sách kinh tế xã hội

1 Các khái niệm cơ bản về chính sách kinh tế xã hội.

1.1 Khái niệm chính sách

Chính sách là phương thức hành động được một chủ thể hay tổ chức nhất định khẳng định và tổ chức thực hiện nhằm giải quyết những vấn đề lặp đi lặp lại.

Chính sách giúp các nhà quản lý xác định những chỉ dẫn chung cho quá trình ra quyết định. Giúp họ thấy được phạm vi hay giới hạn cho phép của các quyết định, nhắc nhở các nhà quản lý những quyết định nào là có thể và những quyết định nào là không thể. Từ đó chính sách sẽ hướng suy nghĩ và hành động của mọi thành viên trong tổ chức vào việc thực hiện mục tiêu chung của tổ chức.

1.2 Khái niệm chính sách kinh tế xã hội

Chính sách kinh tế xã hội là tổng thể các giải pháp và công cụ do nhà nước với tư cách là chủ thể quản lý xã hội xây dựng và tổ chức thực hiện để giải quyết những vấn đề chính sách nhằm thực hiện mục tiêu bộ phận theo định hướng mục tiêu tổng thể của đất nước.

2 Đặc trưng cơ bản của chính sách kinh tế xã hội

- Chính sách kinh tế xã hội là các hình thức mà Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế. Thông qua các quyết định của nhà nước tác động lên các chủ thể hoạt động trong nền kinh tế hướng họ theo mục tiêu chung của quốc gia trên cơ sở những quy định của pháp luật hiện hành.
- Chính sách kinh tế xã hội là hành động can thiệp của nhà nước trước một vấn đề chính sách chín muồi. Đó là những vấn đề lớn có phạm vi ảnh hưởng đến toàn bộ đất nước cần được giải quyết ngay.
- Các mục tiêu của chính sách kinh tế xã hội là mục tiêu bộ phận, có thể mang tính ngắn hạn hoặc dài hạn và được thực hiện trên cơ sở hướng vào mục tiêu tổng thể của đất nước.
- Chính sách kinh tế xã hội không chỉ là những cách thức được đưa ra mà nó còn bao hàm cả quá trình thực hiện chính sách đó. Khi Nhà nước đưa ra văn bản về chính sách đã được các cấp có thẩm quyền thông qua thì đó vẫn chưa phải là chính sách. Chính sách kinh tế xã

hội bao hàm cả hành vi thực hiện những kế hoạch được thể hiện trong chính sách và đưa lại những kết quả thực tế tiền. Việc hiểu chính sách kinh tế xã hội một cách giản đơn là những chủ trương, chế độ mà nhà nước ban hành, điều đó đúng nhưng chưa đủ. Nếu không có việc thực thi chính sách và những kết quả thực tiễn thu được thì chính sách đó chỉ là những khẩu hiệu.

- Mục tiêu chính sách kinh tế xã hội là mục tiêu chung của nhiều người huặc của xã hội. Tuy nhiên một chính sách khó có thể đều đem lại lợi ích cho tất cả mọi người, khi đó chính sách được lựa chọn là chính sách đem lại lợi ích cho đa số mọi người. Thước đo chính để đánh giá, so sánh và lựa chọn chính sách phù hợp là lợi ích mang tính xã hội mà chính sách đó đem lại.
- Việc xây dựng chính sách kinh tế xã hội có sự tham gia từ nhiều phía nhiều tổ chức khác nhau trong đó Nhà nước với tư cách là người tổ chức và quản lý xã hội xây dựng và chịu trách nhiệm tổ chức thực thi. tuy nhiên ngày nay chính sách kinh tế xã hội không chỉ do các cơ quan tổ chức của nhà nước xây dựng mà nó có sự tham gia của nhiều cơ quan tổ chức ngoài nhà nước.
- Chính sách kinh tế xã hội có phạm vi ảnh hưởng lớn, nó tác động đến nhiều đối tượng, đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội.

3 Giải pháp và công cụ của chính sách kinh tế xã hội

3.1 Giải pháp chính sách kinh tế xã hội

Giải pháp chính sách kinh tế xã hội là phương thức hành động của nhà nước để đạt được mục tiêu. Để đạt được mục tiêu nhà nước phải xác định một hệ thống các giải pháp và mỗi chính sách đều có giải pháp riêng của mình. Có thể phân loại các giải pháp dưới nhiều tiêu trí khác nhau một trong những cách đó là phân loại theo phương thức tác động bao gồm các giải pháp tác động trực tiếp vào mục tiêu và các giải pháp tác động gián tiếp vào mục tiêu của chính sách. Với các giải pháp tác động trực tiếp vào mục tiêu, Nhà nước tham gia vào thị trường, vào đời sống kinh tế xã hội thông qua những chính sách những quy định cụ thể về các hoạt động kinh tế xã hội từ đó tác động tới mục tiêu một cách trực tiếp. Các giải pháp tác động gián tiếp vào mục tiêu được sử dụng nhằm tạo ra những phản ứng có lợi cho việc mục tiêu từ những chủ thể kinh tế xã hội.

3.2 Những nhóm công cụ của chính sách kinh tế xã hội

- Nhóm công cụ kinh tế là các ngân sách, các quỹ, hệ thống đòn bẩy và khuyến khích kinh tế như thuế, lãi suất, giá cả, tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, tỷ giá hối đoái...
- Nhóm các công cụ hành chính tổ chức bao gồm các công cụ mô hình các tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, các công cụ hành chính là các kế hoạch của nhà nước và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.
- Nhóm công cụ tuyên truyền, giáo dục là hệ thống thông tin đại chúng, hệ thống thông tin chuyên ngành, hệ thống giáo dục và đào tạo, hệ thống các tổ chức tổ chức chính trị, xã hội và đoàn thể.
- Các công cụ kỹ thuật, nghiệp vụ đặc trưng cho từng chính sách.

4 Vai trò của chính sách kinh tế xã hội

Chính sách kinh tế xã hội có vai trò hết sức to lớn thể hiện ở những chức năng cơ bản sau:

- Chức năng định hướng giúp các chủ thể kinh tế xã hội có được những chỉ dẫn ra quyết định vạch ra phạm vi giới hạn cho phép của những quyết định, hướng suy nghĩ hành động của các chủ thể vào việc thực hiện mục tiêu chung của quốc gia. Chính sách kinh tế xã hội cũng định hướng việc huy động phân bổ và sử dụng nguồn lực nhằm giải quyết những vấn đề chính sách một cách kịp thời và có hiệu quả.
- Chức năng điều tiết của những chính sách do Nhà nước ban hành giúp Nhà nước giải quyết những vấn đề bức xúc phát sinh trong đời sống kinh tế xã hội, điều tiết những mất cân đối, những hành vi không phù hợp, nhằm tạo ra một hành lang pháp lý cho các hoạt động xã hội theo các mục tiêu đề ra.
- Chức năng tạo tiền đề cho sự phát triển đây chức năng quan trọng nhất của chính sách xây dựng và nâng cấp các yếu tố quyết định sự phát triển như giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, hệ thống thông tin và các thị trường vốn.
- Chức năng khuyến khích sự phát triển đây là chức năng tạo động lực phát triển mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế xã hội. Bản thân mỗi chính sách khi hướng vào giải quyết một vấn đề bức xúc đã làm cho sự vật phát triển thêm một bậc. Đồng thời khi giải quyết vấn đề đó thì chính sách lại tác động lên vấn đề khác, làm nảy sinh những vấn đề mới.

II Vấn đề nghèo đói

1 Các quan điểm tiếp cận vấn đề nghèo đói

1.1 Theo cách tiếp cận hẹp

Nghèo đói là một phạm trù chỉ mức sống của một cộng đồng hay một nhóm dân cư là thấp nhất so với mức sống của một cộng đồng hay một nhóm dân cư khác.

Theo cách tiếp cận này về vấn đề nghèo đói chưa bao quát được tính chất tuyệt đối của nghèo đói, nghĩa là mới chỉ đánh giá theo tiêu chuẩn nghèo đói tương đối, mà trên thực tế thì lúc nào trong xã hội hiện đại cũng tồn tại nghèo đói kể cả ở những quốc gia giàu nhất. Nếu đứng trên phương diện so sánh mức sống, mức thu nhập của các nhóm dân cư thì lúc nào cũng có một nhóm dân cư đứng thấp nhất, nhóm đứng cao nhất và các nhóm trung bình. Đó là nghèo đói tương đối. Nhưng thực tế ở nhiều quốc gia nghèo, ngay trong nhóm nghèo nhất cũng đã xuất hiện nhóm nghèo đói tuyệt đối, nghĩa là họ sống một cuộc sống cùng cực, ở tạm bợ và lo lắng về từng bữa ăn.

Cách tiếp cận này là cách tiếp cận phổ biến hiện nay. Những người theo quan điểm này có xu hướng tìm kiếm một chuẩn nghèo chung để đánh giá mức độ nghèo đói của từng nhóm dân cư, mà không đi sâu vào giải quyết những nguyên nhân sâu xa, những căn nguyên sâu xa, bản chất bên trong của vấn đề, tức là cơ chế nội tại của nền kinh tế đang hàng ngày hàng giờ đẩy một nhóm dân cư đi vào tình trạng nghèo đói như một xu thế tất yếu xảy ra. Do đó các biện pháp tấn công nghèo đói đưa ra trên theo quan điểm này thường thiếu triệt để, họ chỉ dừng lại ở các biện pháp hỗ trợ tài chính, kinh tế, và các biện pháp kỹ thuật cho nhóm dân cư

nghèo đói đó, nó sẽ không tạo được động lực để bản thân những người nghèo tự mình vươn lên trong cuộc sống.

1.2 Theo cách tiếp cận rộng

Vấn đề nghèo đói theo quan điểm này được tiếp cận từ phương pháp luận cho rằng căn nguyên sâu xa của nghèo đói là do trong xã hội có sự phân hoá giàu nghèo, mà chính sự phân hoá đó là hệ quả của chế độ kinh tế xã hội. Trong thời kỳ cộng sản nguyên thủy, khi mà năng suất lao động còn thấp, chưa có tích lũy thì giữa con người chưa có sự phân hoá giàu nghèo. Nhưng khi xã hội càng phát triển, có sự phân công lao động trong lực lượng sản xuất, xã hội đã bắt đầu có tích lũy thì cấu trúc xã hội trên quan hệ thị tộc cũng đã bắt đầu biến đổi, xuất hiện chiếm hữu tư nhân và trao đổi hàng hoá. Xã hội đã phân chia thành nhiều giai cấp, trong xã hội đã có người giàu người nghèo đây là mầm mống của những xung đột giữa các giai cấp. Cách tiếp cận rộng cho phép tiếp cận nghèo đói một cách toàn diện, đặt hiện tượng nghèo đói trong sự so sánh với giàu có và trong hoàn cảnh nhất định. Khi nói đến người nghèo chúng ta không thể không đặt họ vào sự so sánh toàn diện với người giàu, bằng cách đó chúng ta mới có thể nhìn thấu đáo hộ nghèo và đói như thế nào, từ đó lý giải một cách khoa học thực chất của quá trình dẫn tới đói nghèo.

Từ những cách tiếp cận vấn đề nghèo đói chúng ta có thể rút ra được những kết luận sau:

- Phân hoá giàu nghèo không những là hệ quả của các xã hội có giai cấp và phân chia giai cấp, mà còn thể hiện bản chất sâu xa của các xung đột xã hội giữa lớp người giàu lớp người nghèo. Giải quyết căn bản vấn đề này chỉ có thể trên cơ sở giải quyết căn bản vấn đề bất bình đẳng trong xã hội.
- Phân hoá giàu nghèo là hiện tượng phát sinh trong quá trình thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bởi vậy nếu không xử lý kịp thời, huặc không có cơ chế duy trì sự công bằng nhất định hay hạn chế quá trình làm trầm trọng thêm hố ngăn cách giữa lớp người giàu và lớp người nghèo, thì nguy cơ phân tầng xã hội, phân hoá giai cấp cũng sẽ diễn ra.
- Chủ thể có đầy đủ khả năng điều hòa thu nhập giữa các nhóm dân cư là Nhà nước, tuy nhiên do bản chất nhà nước ở các chế độ, cũng như định hướng chính trị khác nhau là rất khác nhau nên năng lực cũng như tính triệt để của các giải pháp xử lý hố ngăn cách giàu nghèo có thể dựa trên cách tiếp cận rộng hay hẹp tùy theo điều kiện cụ thể của từng quốc gia, trong từng thời điểm lịch sử nhất định.

2 Các quan điểm về chỉ tiêu đánh giá về mức nghèo đói hiện nay

Cho đến nay dường như đã đi đến một cách tiếp cận tương đối thống nhất về đánh giá mức độ nghèo đói, đó là định ra một tiêu chuẩn hay một điều kiện chung nào đó, mà hễ ai có thu nhập hay chỉ tiêu dưới mức thu nhập chuẩn thì sẽ không thể có một cuộc sống tối thiểu hay đạt được những nhu cầu thiết yếu cho sự tồn tại trong xã hội. Trên cơ sở mức chung đó để xác định người nghèo hay không nghèo. Tuy nhiên khi đi sâu vào kỹ thuật tính chuẩn nghèo thì có nhiều cách xác định khác nhau theo cả thời gian và không gian.

ở đây cần phân biệt rõ mức sống tối thiểu và mức thu nhập tối thiểu. Mức thu nhập tối thiểu hoàn toàn không có nghĩa là có khả năng nhận được những thứ

cần thiết tối thiểu cho cuộc sống. Trong khi đó mức sống tối thiểu lại bao hàm tất cả những chi phí để tái sản xuất sức lao động gồm năng lượng cần thiết cho cơ thể, giáo dục, nghỉ ngơi giải trí và các hoạt động văn hoá khác. Do vậy khái niệm về mức sống tối thiểu không phải là một khái niệm tĩnh mà là động, một khái niệm tương đối và rất phong phú về nội dung và hình thức, không chỉ tùy theo sự khác nhau về môi trường văn hoá, mà còn phụ thuộc vào sự thay đổi về đời sống vật chất cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế.

2.1 Quan điểm của ngân hàng thế giới (WB)

- Trong việc lựa chọn tiêu thức đánh giá WB đã lựa chọn tiêu thức phúc lợi với những chỉ tiêu về bình quân đầu người bao gồm cả ăn uống, học hành, mặc, thuốc men, dịch vụ y tế, nhà ở, giá trị hàng hoá lâu bền. Tuy nhiên báo cáo về những số liệu này về thu nhập ở Việt Nam sẽ thiếu chính xác bởi phần lớn người lao động tự hành nghề.

- WB đưa ra hai ngưỡng nghèo:

+ Ngưỡng nghèo thứ nhất là số tiền cần thiết để mua một số lương thực gọi là ngưỡng nghèo lương thực.

+ Ngưỡng nghèo thứ hai là bao gồm cả chi tiêu cho sản phẩm phi lương thực, gọi là ngưỡng nghèo chung.

- Ngưỡng nghèo lương thực, thực phẩm mà WB đưa ra theo cuộc điều tra mức sống 1998 là lượng lương thực, thực phẩm tiêu thụ phải đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng với năng lượng 2000-2200 kcal mỗi người mỗi ngày. Người dưới ngưỡng đó thì là nghèo về lương thực. Dựa trên giá cả thị trường để tính chi phí cho rổ lương thực đó. Và theo tính toán của WB chi phí để mua rổ lương thực là 1.286.833 đồng/người/năm.

- Cách xác định ngưỡng nghèo chung

Ngưỡng nghèo chung = (ngưỡng nghèo lương thực) + (ngưỡng nghèo phi lương thực)

Ngưỡng nghèo được tính toán về phần phi lương thực năm 1998 là 503038 đồng/người/năm từ đó ta có ngưỡng nghèo chung là 1789871 đồng/người/năm.

2.2 Quan điểm của tổ chức lao động quốc tế (ILO)

- Về chuẩn nghèo đối ILO cho rằng để xây dựng rổ hàng hoá cho người nghèo cơ sở xác định là lương thực thực phẩm. Rổ lương thực phải phù hợp với chế độ ăn uống sở tại và cơ cấu bữa ăn thích hợp nhất cho những nhóm người nghèo. Theo ILO thì có thể thu được nhiều kcalo từ bất kỳ một sự kết hợp thực phẩm mà xét về chi phí thì có sự khác nhau rất lớn. Với người nghèo thì phải thoả mãn nhu cầu thực phẩm từ các nguồn kcalo rẻ nhất.

- ILO cũng thống nhất với ngân hàng thế giới về mức ngưỡng nghèo lương thực thực phẩm 2100 kcalo, tuy nhiên ở đây ILO tính toán tỷ lương thực trong rổ lương thực cho người nghèo với 75% kcalo từ gạo và 25% kcalo có được từ các hàng hoá khác được gọi là các gia vị. Từ đó mức chuẩn nghèo hợp lý là 511000 đồng/người/năm.

2.3 Quan điểm của tổng cục thống kê Việt Nam

- Tiêu chuẩn nghèo theo tổng cục thống kê Việt Nam được xác định bằng mức thu nhập tính theo thời giá vừa đủ để mua một rổ hàng hoá lương thực thực phẩm cần thiết duy trì với nhiệt lượng 2100 kcalo/ngày/người. Những người có mức thu nhập bình quân dưới ngưỡng trên được xếp vào diện nghèo.